

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ NGOẠI GIAO**

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

-----

**MẠC NHƯ QUỲNH**

**HỘI NHẬP KHU VỰC Ở CHÂU ÂU:  
TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH  
ĐỐI NGOẠI VÀ AN NINH CHUNG CHÂU ÂU**

**CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ  
MÃ SỐ: 9 31 02 06**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Hà Nội, năm 2018**

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS. Tạ Minh Tuấn**
- 2. TS. Đỗ Thị Thanh Bình**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện  
hợp tại Học viện Ngoại giao  
vào hồi giờ ngày tháng năm 2018

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Học viện Ngoại giao

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Đề tài của luận án là: “*Hội nhập khu vực ở châu Âu: Trường hợp nghiên cứu Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu*”. Luận án này được hình thành và thực hiện với các lý do chính sau: Về *tính cấp thiết*, Liên minh châu Âu (EU) là mô hình liên kết khu vực độc đáo và duy nhất trên thế giới đang thực hiện hội nhập trên lĩnh vực đối ngoại và an ninh. Chính sách Đối ngoại và An ninh chung (CFSP), bao gồm Chính sách An ninh Quốc phòng chung (CSDP) là biểu hiện cụ thể của tiến trình hội nhập này, đã được triển khai qua gần ba thập kỷ nhưng vẫn chưa đạt được các mục tiêu kỳ vọng của các nhà lập pháp châu Âu. Sự kiện Anh rời khỏi Liên minh sau thất bại của cuộc trưng cầu dân ý (2016) đặt ra nhiều vấn đề mới về thực trạng, triển vọng hội nhập trong lĩnh vực đối ngoại, an ninh và tác động của nó vào tiến trình hội nhập chung ở châu Âu. Về *ý nghĩa thực tiễn*, EU là một trong ba nền kinh tế lớn nhất thế giới và ngày càng có ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế. Với Việt Nam, EU là đối tác quan trọng trên bình diện song phương và đa phương. Nghiên cứu chủ thể EU mang tính tham khảo cho Việt Nam trong quan hệ với EU, trong việc góp phần xây dựng và phát triển ASEAN, đặc biệt trong bối cảnh Cộng đồng Chính trị An ninh ASEAN (APSC) đang triển khai Kế hoạch hành động đến năm 2025. Về *ý nghĩa khoa học*, nghiên cứu hội nhập khu vực về đối ngoại và an ninh, đặc biệt ở khu vực châu Âu còn khá mới mẻ với các nhà nghiên cứu trong nước. Đồng thời, đây là lĩnh vực mang tính động thái cao, vì vậy, đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong nghiên cứu quan hệ quốc tế ở Việt Nam.

## 2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Khảo sát tư liệu về các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài được tiếp cận theo ba nhóm vấn đề chính: nghiên cứu về lý thuyết hội nhập khu vực và hội nhập khu vực ở châu Âu, các thể chế và tác động đến tiến trình hội nhập, chính sách đối ngoại và an ninh chung châu Âu.

Một số tác phẩm đáng chú ý trong nước là Đinh Công Tuấn (chủ biên) (2011), *Liên minh châu Âu hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB Khoa học xã hội; Phạm Quốc Trụ (2011), “*Hội nhập quốc tế: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế số 85 (2011) và “*Chủ nghĩa khu vực và liên khu vực: những triển vọng giữa châu Âu và châu Á*”, Tạp chí nghiên cứu châu Âu số 60 (2012); Đinh Công Tuấn (2012), “*Mô hình hội nhập của EU – ASEAN: So sánh những tương đồng, khác biệt và bài học kinh nghiệm cho ASEAN*”, Tạp chí nghiên cứu châu Âu số 6 (2012); Đề tài nghiên cứu cấp Viện “*Nghiên cứu so sánh các mô hình liên kết khu vực – Kinh nghiệm cho ASEAN*” của Viện nghiên cứu châu Âu thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2011); Nguyễn Quang Thuán (2014), “*Liên kết ở Liên minh châu Âu: từ lý thuyết đến thực tiễn*”, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu số 02 (2014).

Một số tác phẩm nổi bật nước ngoài: Ernest B. Hass, *The Uniting of Europe* (Sự hợp nhất của châu Âu) xuất bản năm 1958 và *Beyond the Nation-State* (Vượt ra khỏi ranh giới quốc gia - dân tộc) xuất bản năm 1964; Lindberg (1963), *The Political Dynamics of European Economic Integration* (Động lực chính trị trong hội nhập kinh tế châu Âu); Lindberg và Stuart A. Scheingold (1971), *Regional Integration: Theory and Research* (Hội nhập khu vực: Lý thuyết và nghiên cứu); Andrew Moravcsik (1998), *The choice for Europe* (Sự lựa chọn của châu Âu); Federiga M. Bind (2010), *The foreign policy of the*

*European Union: Assessing Europe's role in the world* (Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu: đánh giá vai trò của Châu Âu trên thế giới); Caroline Bouchard, John Petterson và Natalie Tocci (2013), *Multilateralism in 21<sup>st</sup> Century: Europe's Quest for Effectiveness* (Chủ nghĩa đa phương trong thế kỷ 21: tìm kiếm tính hiệu quả của châu Âu); Federico Santopinto & Megan Price (2013), *National visions of EU defence policy – Common denominators and misunderstandings* (Tầm nhìn quốc gia về chính sách quốc phòng EU: Mẫu số chung và một số nhận thức sai lầm). Một số bài viết đăng trên các tạp chí: Alyson JK Bailes và Graham Messervy Whiting (2011), “*Death of an Institution, the end for Western European Union, a future for European defence?*” (Sự kết thúc của một thể chế, Liên minh Tây Âu dừng hoạt động, tương lai cho nền quốc phòng châu Âu?); Jan Wouters, Stephanie Bijlmakers và Katrien Meuwissen (2012), “*The EU as a Multilateral security actor after Lisbon: Constitutional and Institutional aspects*” (EU – chủ thể an ninh đa phương hậu Lisbon: phương diện lập pháp và thể chế); Sven Biscop (2016), “*All or nothing? The EU Global Strategy and defence policy after the Brexit*” (Tất cả hay không là gì? Chiến lược toàn cầu của EU và chính sách quốc phòng sau sự kiện Brexit).

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của luận án: Trên cơ sở đánh giá thực trạng triển khai Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu, luận án phân tích quá trình hội nhập khu vực về đối ngoại và an ninh, xác định mức độ hội nhập, dự báo xu hướng hội nhập khu vực và triển vọng thực thi Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu đến năm 2025, liên hệ thực tiễn với ASEAN và Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án: (i) Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình hội nhập khu vực nói chung và hội nhập

về đối ngoại và an ninh của EU nói riêng; (ii) Đánh giá thực tiễn triển khai Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu, tập trung phân tích các nhân tố tác động đến quá trình triển khai chính sách; (iii) Dự báo xu hướng hội nhập khu vực và triển vọng thực thi Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu đến năm 2025, rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với ASEAN trong tiến trình hội nhập khu vực.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu* của luận án là quá trình hội nhập khu vực ở châu Âu. Chính sách Đối ngoại và An ninh chung (trong đó bao hàm Chính sách An ninh Quốc phòng chung) được chọn là trường hợp nghiên cứu điển hình.

*Phạm vi nghiên cứu* được chia thành hai giai đoạn chính: từ 1992 – 2009 và 2009 – 6/2018, tầm nhìn đến năm 2025. Không gian nghiên cứu được xác định là Liên minh châu Âu. Thuật ngữ “châu Âu” sử dụng trong luận án được hiểu là “Liên minh châu Âu”.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích văn bản, phân tích chính sách, nghiên cứu trường hợp điển hình. Ngoài ra, các phương pháp phân tích tác động, phân tích lợi ích, phân tích xung đột và hợp tác quốc tế, phương pháp quan sát, hệ thống, phân tích và tổng hợp, phương pháp dự báo và so sánh được sử dụng để hỗ trợ cho ba phương pháp nghiên cứu trên.

#### **6. Nguồn tài liệu**

Các văn kiện chính thức của Liên minh châu Âu; các báo cáo hoạt động chuyên biệt của các cơ quan EU; báo cáo, nghiên cứu chuyên đề của các viện nghiên cứu; các tài liệu, công trình nghiên cứu đã được công bố trong và ngoài nước liên quan đến đề tài.

#### **7. Đóng góp của luận án**

(i) Luận án hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn quá trình hội

nhập châu Âu về đối ngoại và an ninh; (ii) Luận án phân tích, đánh giá được những nhân tố tác động đến quá trình triển khai chính sách Đối ngoại và an ninh chung, ảnh hưởng đến mức độ và xu hướng hội nhập trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh ở châu Âu; (iii) Luận án dự báo xu hướng hội nhập khu vực và triển vọng thực thi chính sách Đối ngoại và an ninh chung trong tương lai, liên hệ thực tiễn với ASEAN; (iv) Luận án là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu và giảng dạy về Liên minh châu Âu và lý luận quan hệ quốc tế về hội nhập.

## **8. Bố cục của luận án**

Luận án ngoài phần Mở đầu và Kết luận, gồm 3 chương: (1) Cơ sở lý luận và thực tiễn về hội nhập khu vực trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh ở châu Âu; (2) Nghiên cứu hội nhập khu vực qua Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu; (3) Triển vọng hội nhập về đối ngoại và an ninh của Liên minh châu Âu đến năm 2025.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HỘI NHẬP KHU VỰC TRONG LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI VÀ AN NINH Ở CHÂU ÂU**

#### **1.1. Cơ sở lý luận về hội nhập khu vực**

##### *1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về hội nhập khu vực*

Hội nhập khu vực là một quá trình được hình thành từ sự hợp tác giữa nhiều chủ thể quốc gia nhằm xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định và cùng nhau phát triển. Quá trình này được thúc đẩy bởi xu thế “khu vực hóa”. Xu thế này đồng thời tạo nền tảng để “chủ nghĩa khu vực” hình thành, phát triển và thúc đẩy quá trình thành lập các tổ chức liên kết khu vực như EU, ASEAN... Nắm rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến quá trình hội nhập khu vực giúp việc tiếp cận về mặt lý thuyết được chuẩn xác

hơn. Một số khái niệm cơ bản gồm: “khu vực”, “khu vực hóa”, “chủ nghĩa khu vực”, “hội nhập khu vực”.

Trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, các quốc gia, lãnh thổ ở các khu vực địa lý khác nhau ngày càng gia tăng hợp tác toàn diện thì định nghĩa truyền thống về “khu vực” không còn phù hợp. “Khu vực” trong nghiên cứu chính trị quốc tế cần được xem là một thực thể địa lý – kinh tế – chính trị – xã hội, là môi trường trực tiếp chứa đựng nhiều lợi ích quốc gia, là nơi diễn ra nhiều hiện tượng quan trọng trong đời sống quốc tế hiện nay như khu vực hoá, hội nhập khu vực... “Khu vực hoá” là quá trình các quốc gia cùng theo đuổi và chia sẻ các giá trị chung, mục tiêu chung trong một khu vực địa lý cụ thể. Với khái niệm “khu vực” như trên, “khu vực hóa” là một khái niệm mở, cần được xem xét ở cấp độ toàn cầu và cấp độ quốc gia để phân tích, đánh giá các vấn đề ở cấp độ khu vực. Nói cách khác, môi trường toàn cầu và bối cảnh quốc gia là hai yếu tố quan trọng cần được xem xét khi nghiên cứu quá trình khu vực hóa.

“Chủ nghĩa khu vực” và “hội nhập khu vực” là hai thuật ngữ được sử dụng khi đề cập đến quá trình hợp tác giữa các chủ thể nhà nước/phi nhà nước trong một không gian có nhiều đặc tính chung, cùng hướng tới những mục tiêu chung nhằm đạt được hay củng cố cho lợi ích, mục tiêu riêng của từng chủ thể. Các yếu tố tạo thành chủ nghĩa khu vực là: quá trình khu vực hoá, các đặc điểm nhận diện khu vực, hợp tác trong nội bộ khu vực, các quốc gia thành viên thúc đẩy quá trình hợp nhất và sự gắn kết nội khối. Quá trình hội nhập khu vực được thúc đẩy khi hội tụ đủ các yếu tố: (i) chủ nghĩa khu vực phát triển; (ii) có các thể chế khu vực chính thức; (iii) Tính cam kết của các quốc gia thành viên; (iv) nhận thức của các nước về hiệu quả của quá trình hội nhập với tính toán lợi ích quốc gia. Như vậy, châu Âu là một khu vực



hội tụ đủ các yếu tố lý tưởng để quá trình hội nhập diễn ra thuận lợi.

### *1.1.2. Tiếp cận hội nhập khu vực qua một số lý thuyết*

Quá trình hội nhập khu vực ở châu Âu là một hiện tượng độc đáo trong quan hệ quốc tế. Quá trình hội nhập ở các khu vực khác thường diễn ra theo lối truyền thống, tức là hợp tác ở cấp độ khu vực giữa các quốc gia có chủ quyền. Ở châu Âu, EU đã vượt lên trên cấp độ hợp tác này, tạo ra những thể chế liên chính phủ đủ mạnh để điều tiết các hoạt động của một tổ chức 28 nước thành viên với hơn 500 triệu dân (tính đến năm 2017). Các quốc gia thành viên đã trao một phần chủ quyền cho các thể chế chung, biến EU trở thành một hệ thống chính trị có quyền đưa ra các quyết định thay mặt các nước thành viên. Liên minh châu Âu trở thành mô hình tiêu biểu để các lý thuyết về quan hệ quốc tế tập trung nghiên cứu. Một số lý thuyết ưu việt được sử dụng trong quá trình nghiên cứu sự vận động, phát triển của Liên minh và khu vực châu Âu là *thuyết chức năng*, *thuyết thể chế*, *thuyết kiến tạo* và *thuyết liên chính phủ*.

Khi sử dụng *thuyết chức năng* để nghiên cứu quá trình hội nhập khu vực cần lưu ý: (i) vai trò định hướng của giới lãnh đạo không mang tính quyết định trong quá trình hội nhập khu vực mà chỉ có ảnh hưởng thúc đẩy hoặc kiềm chế quá trình này; (ii) tiến trình hội nhập ở châu Âu cần được đặt trong tổng thể sự vận động của thế giới chứ không chỉ giới hạn trong khu vực châu Âu; (iii) yếu tố “nhà nước” và “sự hợp tác ở cấp độ khu vực” cần được nghiên cứu, phân tích như những thể chế liên chính phủ. Tiến trình hội nhập khu vực tiếp cận theo thuyết chức năng dẫn đến việc hình thành các thể chế, các tổ chức siêu quốc gia. Vì vậy, thuyết chức năng trong các nghiên cứu khu vực học có nhiều điểm tương đồng với thuyết thể chế.

Theo quan điểm của các học giả theo *thuyết thể chế*, lợi ích và

quyền lực quốc gia có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Các thể chế ra đời nhằm điều hoà quyền lực và dung hòa lợi ích của các chủ thể. Vì vậy, các thể chế còn có chức năng giải quyết tranh chấp giữa các thành viên. Tuy nhiên, một khu vực không nhất thiết phải có các thể chế như vậy trước khi đạt đến trình độ hội nhập khu vực sâu. Liên minh châu Âu đã hình thành các thể chế, chứng minh tiến trình hội nhập ở châu Âu đã đạt cấp độ cao. Theo lý luận của thuyết thể chế, việc hình thành một chính sách chung về đối ngoại, an ninh là điều tất yếu, nằm trong định hướng xây dựng bản sắc và các giá trị chung.

*Thuyết kiến tạo* chủ yếu nhấn mạnh vào các chuẩn mực và đặc tính chung để giải thích hành vi của các quốc gia. Từ quan điểm này, hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực được coi là một quá trình xây dựng các chuẩn mực và giá trị, dựa theo đó, cách hành xử của các quốc gia cũng được điều chỉnh cho phù hợp. Các học giả theo thuyết chức năng mới và liên chính phủ cũng quan tâm đến yếu tố định vị bản sắc ở cấp độ khu vực, giải thích sự chuyển giao giữa bản sắc quốc gia đến việc định hình một bản sắc liên quốc gia, trong trường hợp Liên minh châu Âu là xây dựng “bản sắc châu Âu”. Chính sách Đối ngoại và An ninh chung (CFSP) là một sản phẩm của quá trình này. CFSP là sự hội tụ của chính sách đối ngoại, an ninh của các quốc gia thành viên, giúp tăng cường cảm nhận về một bản sắc chung mang tính quốc tế.

*Thuyết liên chính phủ* cho rằng việc xây dựng thể chế dựa trên chia sẻ một phần chủ quyền của các quốc gia thành viên là cách để đạt được “các cam kết đáng tin cậy” khi tham gia vào tiến trình hội nhập. Quan sát diễn biến quá trình nhất thể hóa châu Âu, thuyết liên chính phủ lý luận rằng những hiệp ước mang tính lịch sử được ký kết không phải do sự lựa chọn, quyết định của các thể chế siêu nhà nước hay được hình thành một cách tự nhiên bởi sự “lan tỏa” của quá trình nhất thể

hóa diễn ra từ trước đó như lập luận của thuyết chức năng mới. Thuyết liên chính phủ cho đó là sự hội tụ một cách từ từ lợi ích chung của các quốc gia thành viên lớn, có tầm ảnh hưởng nhất. Các thể chế khu vực được trao quyền rất hạn chế, đến cuối cùng cũng tuân theo những gì các quốc gia thành viên quyền lực thỏa thuận với nhau. Nhân tố chính thúc đẩy quá trình hội nhập châu Âu ở đây chính là ý chí các nước lớn trong khu vực như Đức, Pháp, Anh, Ý..., và kết quả quá trình thương lượng liên chính phủ thường phản ánh nhiều lợi ích/mục tiêu ưu tiên của các nước này.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn về hội nhập khu vực ở châu Âu**

“Nền hoà bình dài lâu” kéo dài hơn bốn thập kỷ sau Thế chiến thứ hai cùng với nhu cầu hợp tác kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh ở châu Âu đã tạo điều kiện thuận lợi để chủ nghĩa khu vực phát triển tương đối sớm hơn các khu vực khác và đạt được nhiều thành tựu lớn về hội nhập khu vực trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, thương mại, tư pháp... Sau chiến tranh Lạnh, cục diện khu vực thay đổi, nhu cầu phát triển và tư duy an ninh của các quốc gia cũng thay đổi. Sức mạnh kinh tế không còn đủ để các quốc gia đối mặt với những nguy cơ an ninh hỗn hợp và mang tính toàn cầu. Cộng đồng châu Âu hướng tới một tổ chức hợp tác khu vực được thể chế hoá, hội nhập sâu hơn trong các lĩnh vực mang tính “bất khả xâm phạm” của quốc gia như đối ngoại, an ninh, quốc phòng để xây dựng sức mạnh toàn diện trong tình hình mới. Tiến trình hội nhập ở châu Âu bắt nguồn từ lĩnh vực kinh tế, “lan toả” sang các lĩnh vực chính trị, xã hội.

Hội nhập về đối ngoại và an ninh có tính chất tương đối khác so với hội nhập trong lĩnh vực kinh tế hay tư pháp. Các chính sách kinh tế và pháp luật tự bản thân chính sách đã có những quy tắc và công cụ thực hiện riêng, không cần có sự liên kết, phối hợp mật thiết giữa các

quốc gia thành viên trong quá trình thi hành. Đối ngoại, an ninh, nhất là an ninh quốc phòng, là lĩnh vực có tính chất nhạy cảm và luôn biến động. Vì vậy, một chính sách chung về đối ngoại và an ninh để các quốc gia thành viên cùng thực hiện cần được xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi chung, phục vụ cho lợi ích của các thành viên. Chính sách cần được xây dựng dựa trên các cơ sở sau: (i) lợi ích chung của các quốc gia thành viên trong các vấn đề đối ngoại và an ninh; (ii) quy trình đưa ra quyết định; (iii) sự cân bằng giữa quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ giữa các nước nhỏ và lớn trong Liên minh; (iv) tính liên tục trong quá trình vận hành hệ thống; (v) an ninh quốc phòng là lĩnh vực trọng yếu cần chính sách và kế hoạch hành động riêng. Ngoài ra, ý chí chính trị của các quốc gia về hội nhập, chủ yếu của các thành viên chủ chốt như Đức, Pháp, Ý, Ba Lan về hội nhập trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh cũng là cơ sở quan trọng, thúc đẩy tiến trình hội nhập chính trị ở châu Âu.

## **CHƯƠNG 2**

### **NGHIÊN CỨU HỘI NHẬP KHU VỰC QUA CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VÀ AN NINH CHUNG CHÂU ÂU**

#### **2.1. Chính sách Đối ngoại và An ninh chung châu Âu**

Chính sách Đối ngoại và An ninh chung được lựa chọn là trường hợp nghiên cứu điển hình cho quá trình hội nhập khu vực ở châu Âu. Nghiên cứu nội hàm chính sách phục vụ cho công tác đánh giá và dự báo triển vọng thực thi chính sách. Các nội dung được đề cập gồm: Mục tiêu chính sách, quy trình hoạch định chính sách, cơ chế hoạt động và các công cụ thực thi chính sách.

## **2.2. Thực tiễn triển khai Chính sách từ 1992 – 2018**

Quá trình triển khai CFSP từ năm 1992 đến nay được chia thành hai giai đoạn chính: từ 1992 – 2009 và từ 2009 – 6/2018. Hiệp ước Lisbon (2009) là dấu mốc quan trọng đối với tiến trình hội nhập về đối ngoại và an ninh của EU với những cải tổ cơ bản về thể chế, liên quan trực tiếp đến quá trình triển khai Chính sách, tác động đến mức độ và tính chất của quan hệ hợp tác nội khối. Để phục vụ cho công tác dự báo, luận án tập trung phân tích, đánh giá thành tựu, hạn chế của quá trình này từ 2009 đến nay. Quá trình triển khai Chính sách từ 1992 – 2009 là cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của Chính sách từ 2009 – 6/2018.

Trong hơn hai thập kỷ triển khai, CFSP đã đạt được một số thành tựu nhất định. Những điểm nhấn trong quá trình triển khai CFSP/CSDP từ 2009 đến nay gồm: sự ra đời của cơ quan đối ngoại chuyên trách thống nhất của EU – Cục Hành động đối ngoại châu Âu (EEAS) với vị trí “ngoại trưởng châu Âu” đầu tiên trong lịch sử Liên minh HR/VP; EU công bố Chiến lược toàn cầu về đối ngoại và an ninh; ra Sách trắng về tương lai của châu Âu và tương lai an ninh quốc phòng châu Âu năm 2016; thành lập Sở Chỉ huy tác chiến quân sự (MPCC) năm 2017; 25 quốc gia thành viên ký kết tham gia vào khuôn khổ “Hợp tác mang cấu trúc bền vững” (PESCO) đầu năm 2018 sau gần 9 năm thảo luận và đàm phán... Đồng thời, CSDP tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của các nhiệm vụ dân sự, quân sự đã và đang triển khai tại các khu vực ảnh hưởng của EU. Quan hệ đối tác chiến lược EU-NATO ngày càng được khẳng định và thúc đẩy lên tầm cao mới.

## **2.3. Đánh giá tiến trình hội nhập khu vực qua thực tiễn triển khai Chính sách**

Tiến trình hội nhập chính trị ở châu Âu bắt đầu khá sớm nhưng

EU phải mất hơn ba thập kỷ xây dựng nền tảng cho một chính sách đối ngoại, an ninh chung và gần một thập kỷ nữa để thống nhất về khung chính sách hợp tác quốc phòng. Theo quan điểm của các lý thuyết về hội nhập khu vực, hội nhập về chính trị là cấp độ hội nhập khu vực cao nhất, trong trường hợp EU, biểu hiện cụ thể nhất là thực tiễn triển khai CFSP/CSDP. Các chủ thể trong khu vực thường đạt mức độ hội nhập nhất định trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, tư pháp... trước khi hội nhập về chính trị. Điều này lý giải cho việc châu Âu mất gần năm thập kỷ để bước đầu đạt đến mức độ hội nhập khu vực một cách toàn diện.

CFSP là một chính sách đặc thù, là tổng hợp các giá trị chung, mục tiêu chung, vì sự phát triển thịnh vượng và đảm bảo an ninh châu lục, được triển khai trên nền tảng hợp tác khu vực. EU cần sự nhất trí cao cho mỗi sự điều chỉnh nội dung hay quyết định thực thi CFSP. CFSP/CSDP có mối liên hệ mật thiết đến lợi ích cốt lõi của các quốc gia thành viên, chịu tác động trực tiếp từ tính toán chiến lược của các giới lãnh đạo các nước thành viên. Vì vậy, hướng tiếp cận, phân tích chính sách này như chính sách đối ngoại của một quốc gia chỉ mang tính chất tương đối. Hiệu quả triển khai chính sách khi đánh giá cần đặt trong tổng thể tiến trình hội nhập khu vực.

Lịch sử hình thành, phát triển của CFSP/CSDP và những sáng kiến triển khai chính sách này không phải là ý tưởng mới ra đời gần đây, nhưng để hiện thực hoá nó, ngoài điều kiện cần là nhu cầu hợp tác và nỗ lực điều chỉnh chính sách từ bên trong, còn cần động lực từ bên ngoài. Bối cảnh khu vực và thế giới là điều kiện đủ để CFSP/CSDP được thực thi.

Triển khai một chính sách đối ngoại và an ninh chung, trong đó bao hàm cả chính sách an ninh quốc phòng chung đối với một tổ chức gồm 28 thành viên, để đạt được kết quả cần sự điều chỉnh lâu dài về

phương pháp hoạch định và thực thi chính sách. Quá trình này chịu tác động của nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài. Các nhân tố bên trong gồm: (i) cam kết của lãnh đạo các quốc gia thành viên; (ii) vấn đề chủ quyền và quyền lực của các thể chế; (iii) sự trở dậy của chủ nghĩa dân túy, dân tộc cực đoan; (iv) quá trình mở rộng liên minh và năng lực của các quốc gia thành viên. Nhân tố bên ngoài gồm: (v) tính toán chiến lược của Mỹ, Nga và quan hệ EU – NATO.

Qua phân tích, đánh giá thực tiễn triển khai Chính sách cho thấy: (i) Quá trình hình thành, điều chỉnh và triển khai CFSP thể hiện hội nhập khu vực về đối ngoại và an ninh đã đạt được nhiều bước tiến nhất định; (ii) Sự khác biệt về năng lực của các quốc gia thành viên là khó tránh khỏi. Khoảng cách phát triển giữa các thành viên rất khó thu hẹp. Sự tăng cường quyền lực cho các thể chế khu vực xuất phát từ khoảng cách này, đáp ứng nhu cầu phát triển của các chủ thể quốc gia đặt trong môi trường vận động của quá trình hội nhập khu vực; (iii) Vấn đề chủ quyền có thể được giảm nhẹ dựa trên nhận thức và sự thừa nhận về các giá trị chung. Hành động dựa trên một bản sắc thống nhất tạo được sự gắn kết giữa các quốc gia thành viên; (iv) Lợi ích quốc gia là vấn đề cốt lõi. Trong hội nhập khu vực, một chính sách chung có tính khả thi cao là một chính sách tối đa hoá được lợi ích của các quốc gia thành viên khi triển khai các hành động tập thể. Những kết luận này là cơ sở cho các dự báo về xu thế hội nhập khu vực và triển vọng thực thi CFSP trong tương lai.

## CHƯƠNG 3

### TRIỂN VỌNG HỘI NHẬP VỀ ĐỐI NGOẠI VÀ AN NINH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐẾN NĂM 2025

#### **3.1. Xu thế hội nhập khu vực đến năm 2025**

##### *3.1.1. Xu thế chung*

Nhìn chung, thế giới thế kỷ XXI tiếp tục duy trì trật tự đa cực, trong đó, Mỹ với sức mạnh tổng thể vượt trội vẫn là cường quốc số một thế giới về kinh tế, quân sự và khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, vị trí đứng đầu này đang gặp nhiều thách thức từ sự vươn lên mạnh mẽ của các “cực” khác, trong đó có EU. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật công nghệ là động lực của nền kinh tế thế giới nhưng đồng thời tạo ra nhiều thách thức với chính phủ các nước trong việc ứng phó với những nguy cơ mới. Với nhận thức về nguy cơ trong thời đại mới có nhiều thay đổi, xu thế hội nhập khu vực tiếp tục được duy trì dựa trên yêu cầu đảm bảo an ninh trong thời đại toàn cầu hoá. Trong bối cảnh đó, các tổ chức liên kết khu vực tiếp tục phát huy vai trò trong đối phó với các nguy cơ mới mang tính khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, phản ứng kém hiệu quả của các chủ thể này trong nhiều vấn đề an ninh, xã hội khiến làn sóng ly khai, chủ nghĩa hoài nghi tiếp tục bùng phát mạnh mẽ.

##### *3.1.2. Xu thế hội nhập ở châu Âu*

Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, EU đứng trước cuộc tranh luận về tương lai phát triển của khối. Với những xu thế vận động chính của thế giới như nêu trên, hợp tác cùng phát triển và đối phó với các nguy cơ là nhu cầu tất yếu. Nhu cầu này tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng số một của EU và xu thế hội nhập vẫn tiếp diễn ở khu vực. Vấn đề đặt ra là cách thức EU thực hiện vai trò của mình



như thế nào để quá trình hội nhập khu vực đạt được mục tiêu phát triển của các quốc gia. Phương hướng hoạt động và cách thức giải quyết vấn đề của EU tiếp tục là nguồn gốc gây chia rẽ nội bộ liên minh. Sự kiện Brexit là cao trào của làn sóng bài châu Âu và chủ nghĩa dân túy cực đoan lan rộng khắp châu Âu trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Vấn đề Ba Lan với cuộc cải cách tư pháp bị cho là vi phạm các nguyên tắc dân chủ của EU xảy ra trong không gian hậu Brexit cùng những vấn đề tồn tại trong khu vực đồng tiền chung và tác động của nó đến xã hội, nhận thức của người dân về EU sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình chính trị, xã hội châu Âu trong trung hạn, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình hội nhập khu vực đang diễn ra ở châu lục này.

Trong xu thế phục hồi của kinh tế thế giới, trải qua cuộc khủng hoảng nợ công, kinh tế châu Âu trên đà khởi sắc. Theo Cục Thống kê châu Âu (Eurostat), nền kinh tế các quốc gia EU năm 2017 đã tăng trưởng gần 2,5%, cao hơn so với kỳ vọng 1,9% đặt ra trước đó và đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Nền kinh tế châu Âu được dự báo tiếp tục đà phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng chậm lại. Mức tăng trưởng dự báo đạt 2,3% năm 2018 và 2,0% năm 2019. Tỷ lệ thất nghiệp của các nước Eurozone và EU nói chung giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2009 và có xu hướng tiếp tục giảm. Khu vực đồng tiền chung cũng đạt mức tăng trưởng tốt nhất từ năm 2008 đến nay và đang duy trì mức tăng trưởng này. Tuy nhiên, nhiều bất ổn chính trị xuất phát từ một số nước như Ý, Tây Ban Nha, Hy Lạp vẫn còn tiếp diễn...

Ở góc độ an ninh, cấu trúc an ninh khu vực định hình từ sau chiến tranh Lạnh về cơ bản không thay đổi. EU tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu, đảm bảo lợi ích chung của các quốc gia thành viên với các đối tác, đồng thời duy trì ảnh hưởng của khối ở các khu vực khác trên thế giới trên cơ sở hoà bình và cùng thịnh vượng. Trật tự khu vực được

hình thành từ quan hệ của các trục chính EU – Mỹ, EU – Nga và EU – NATO. An ninh khu vực đồng thời bị tác động bởi tính toán chiến lược của Mỹ đối với các khu vực khác, sự trỗi dậy của Trung Quốc, Nga, quan hệ Nga – Trung, tính toán lợi ích của các quốc gia tầm trung khác trong khu vực.

Nhìn chung, châu Âu trong những năm đầu thế kỷ XXI chứng kiến nhiều thay đổi quan trọng trong tình hình an ninh khu vực. Từ một châu Âu tương đối yên bình, tập trung phát triển kinh tế sau chiến tranh Lạnh đến một khu vực xuất hiện nhiều vấn đề bất ổn an ninh nghiêm trọng như khủng bố, an ninh năng lượng, an ninh mạng, các cuộc xung đột nóng, di cư quy mô lớn kéo theo tác động tiêu cực đến môi trường chính trị, xã hội và phát triển kinh tế... Bản thân Liên minh châu Âu còn phải đối mặt với nhiều vấn đề nội tại như chủ nghĩa dân túy cực đoan, làn sóng bài EU và chia rẽ nội bộ sâu sắc, sự phục hồi mong manh của khu vực đồng tiền chung... Đối phó với những thách thức này, châu Âu vẫn cần những nỗ lực tập thể để vượt qua khủng hoảng và phát triển. Khả năng EU thất bại trong việc hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2025 là khó xây ra. Xu thế hội nhập khu vực vẫn tiếp diễn ở châu Âu. Tuy nhiên, do tiến trình hội nhập khu vực đã đạt đến cấp độ cao nhất nên mức độ và tốc độ hội nhập có xu hướng diễn ra chậm hơn so với cuối thế kỷ trước. Đây là giai đoạn EU sẽ phải đưa ra một số điều chỉnh về định hướng phát triển chung của khối trên các lĩnh vực. Hội nhập về đối ngoại và an ninh, quốc phòng không nằm ngoài xu thế chung này và được quyết định bởi hiệu quả thực thi CFSP/CSDP.

### **3.2. Triển vọng thực thi Chính sách Đối ngoại và An ninh chung đến năm 2025**

Tháng 3/2017, EU kỷ niệm 60 năm chặng đường phát triển

(1957- 2017). Đánh dấu sự kiện quan trọng này, Liên minh châu Âu công bố “Sách trắng về tương lai châu Âu – Nhìn lại và các kịch bản cho EU27 đến 2025”. Những thách thức, cơ hội và viễn cảnh phát triển của EU trên các lĩnh vực lớn đều được đề cập đến. Đến năm 2025, có *năm định hướng phát triển được đề xuất cho tương lai của Liên minh*: (i) EU tiếp tục tập trung triển khai lộ trình cải cách đã được thiết lập; (ii) EU dần chuyển trọng tâm vào thị trường chung; (iii) EU cho phép các quốc gia thành viên chủ động hợp tác với nhau trong từng lĩnh vực cụ thể; (iv) EU tập trung nâng cao hiệu quả và phản ứng nhanh của các hành động tập thể trong một số lĩnh vực nhất định, giảm can dự ở các lĩnh vực khác; (v) EU quyết định cùng hợp tác trên tất cả các lĩnh vực. Với năm giả định này, châu Âu đứng trước nhiều lựa chọn cho tương lai. Việc lựa chọn hình thức phát triển sẽ kéo theo sự thay đổi về chức năng của EU. Các nhà lãnh đạo EU cũng không ngoại trừ khả năng kết hợp các hình thức phát triển, hướng tới một phương thức tốt nhất để đạt được lợi ích của người dân.

Tương lai an ninh quốc phòng châu Âu được các nhà lãnh đạo Liên minh xác định là một trong số bốn vấn đề lớn châu Âu cần định hướng phát triển trong tương lai. “Tương lai nền quốc phòng châu Âu” là tập tài liệu 22 trang được Ủy ban Châu Âu công bố cùng với “Sách trắng”, đánh giá những xu hướng chính và thách thức trước mắt tác động đến tương lai an ninh của châu lục, từ đó dự báo *ba kịch bản khác nhau cho nền an ninh quốc phòng của toàn khối*, gồm: (i) hợp tác về an ninh, quốc phòng; (ii) chia sẻ về an ninh, quốc phòng; (iii) thiết lập nền quốc phòng và an ninh chung. Thực chất, ba kịch bản này thể hiện ba cấp độ hợp tác nội khối trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng ở châu Âu. Đây là những định hướng chủ đạo trong triển khai Chính sách An ninh Quốc phòng chung của EU thời gian tới.

Với tầm nhìn đến năm 2025, cấp độ hợp tác an ninh ở khả năng (i) biểu hiện quá trình hội nhập khu vực không đạt bước tiến lớn. CFSP/CSDP sẽ tiếp tục được triển khai tiếp nối những thành công CFSP/CSDP đã đạt được trong lĩnh vực cứu trợ nhân đạo, thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở những khu vực ảnh hưởng truyền thống. Quan hệ EU – NATO tiếp tục là trụ cột chính của CFSP/CSDP. Nói cách khác, thực tiễn hội nhập khu vực về an ninh, quốc phòng của EU đang ở cấp độ được đề cập ở khả năng (i). Nhất thể hoá trong lĩnh vực an ninh quốc phòng là điều kiện lý tưởng, đưa EU trở thành chủ thể đầy đủ trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, quốc phòng, an ninh luôn là lĩnh vực khó đạt được đồng thuận nhất trong Liên minh. Lợi ích quốc gia tối thượng là rào cản khó vượt qua, thêm khoảng cách chênh lệch về năng lực quốc phòng giữa các quốc gia, chưa kể đến năng lực vận hành của các thể chế của EU cũng là yếu tố tác động không nhỏ đến quá trình hợp tác trong Liên minh. Vì vậy, trong ngắn hạn, khả năng (iii) khó khả thi. Về đối ngoại, NATO vẫn tiếp tục là một đối tác quan trọng trong tính toán chiến lược của EU bên cạnh Mỹ, Nga và các đối tác quan trọng khác như Trung Quốc, Nhật Bản, ASEAN... Duy trì và phát triển quan hệ đối tác đôi bên cùng có lợi với NATO giúp EU vừa tận dụng được nguồn lực đồng thời vẫn thể hiện được vai trò dẫn dắt nền an ninh khu vực.

Với xu thế vận động của thế giới nói chung và xu thế hội nhập khu vực như đã đánh giá ở trên, trong những cấp độ hội nhập về an ninh, quốc phòng được dự báo, cấp độ hợp tác ở khả năng (ii) là mục tiêu CFSP/CSDP hướng tới trong ngắn và trung hạn. Các quốc gia thành viên chia sẻ trách nhiệm đảm bảo an ninh, quốc phòng ở khu vực thông qua một cơ chế chung là EU. Nền an ninh quốc phòng này được xây dựng trên nền móng PESCO. Việc EU đạt được thoả thuận về sáng

kiến PESCO và đã thông qua kế hoạch hoạt động để triển khai PESCO là bước đi cho thấy EU đang cố gắng tạo dựng cơ sở cho nền an ninh “cùng chia sẻ” ở khu vực. Đồng thời, sự ra đi của một cường quốc quân sự như Anh đã khiến các quốc gia châu Âu nhận thấy sự cần thiết phải đoàn kết lại, đặc biệt trong các hành động phòng vệ tập thể. Trong hoàn cảnh này, chủ nghĩa dân túy, dân tộc cực đoan đã có tác động tích cực đến tiến trình hội nhập khu vực về an ninh, quốc phòng. Với động lực được tạo ra từ Brexit, EU có khả năng đạt đến cấp độ hợp tác về an ninh, quốc phòng ở khả năng (ii). Mức độ và tốc độ hội nhập trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng có thể được thúc đẩy hơn so với các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, khả năng (ii) có khả thi hay không còn tùy thuộc vào một yếu tố quan trọng là EU xác định hướng đi tương lai của mình ra sao. Câu trả lời này sẽ được Nghị viện châu Âu công bố sau kỳ bầu cử năm 2019. Theo nhận định của tác giả, nếu giả định (iii) và (iv) được lựa chọn là hướng phát triển tiếp theo của EU thì khả năng (ii) có thể đạt được đến năm 2025. Việc thiết lập một quân đội chung tiếp tục được gọi mở nhưng chưa đủ động lực và điều kiện đủ để hình thành do số lượng quốc gia EU là thành viên NATO quá lớn, việc hình thành lực lượng này là chưa cần thiết trong tương lai gần.

### **3.3. Một số bài học kinh nghiệm từ quá trình hội nhập về đối ngoại và an ninh của Liên minh châu Âu**

Thực tiễn hội nhập khu vực nói chung và hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh, quốc phòng riêng của EU bên cạnh nhiều thành tựu vẫn còn tồn tại một số vấn đề về hoạch định và thực thi chính sách. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ tiến trình hội nhập này cụ thể như sau:

(i) *Khẳng định vai trò của quốc gia thành viên trong quá trình vận hành bộ máy.* Một khi chính sách đối ngoại EU được tiến hành song

song với chính sách đối ngoại của từng quốc gia thành viên, các thành viên chỉ tự nguyện và sẵn sàng tham gia vào các hành động chung khi họ thấy rõ được vai trò thực sự của mình ở cấp độ Liên minh. EU có thể đề nghị một hay nhóm một số các quốc gia thành viên lãnh đạo và triển khai một nhiệm vụ cụ thể dưới danh nghĩa Liên minh. Cơ chế chịu trách nhiệm trực tiếp như vậy khiến vai trò của quốc gia thành viên được nâng lên đáng kể. Cảm nhận về việc hy sinh một phần chủ quyền quốc gia khi gia nhập vào tổ chức khu vực không còn nặng nề. Chủ quyền quốc gia vẫn được phát huy với vai trò lãnh đạo của quốc gia đó ở cấp độ Liên minh.

*(ii) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thể chế đa phương để tăng cường quyền lợi của thành viên khi tham gia vào tổ chức.* Trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh, quốc phòng, EEAS là cơ quan đầu mối, có tác động trực tiếp đến chất lượng triển khai CSDP. Tâm lý nghi ngờ, e ngại bị kiểm soát, tổn hại đến lợi ích quốc gia khiến các thành viên chưa thực sự tích cực tham gia vào các hoạt động trong khuôn khổ CSDP. Xây dựng lòng tin là cơ sở để tăng cường hiệu quả hoạt động của EEAS. Các thành viên sẽ tích cực hơn khi họ thấy được lợi ích rõ ràng từ hoạt động của EEAS. Cơ quan này cần thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin đa chiều hiệu quả giữa Liên minh với các quốc gia thành viên, giữa các quốc gia thành viên với nhau. Đồng thời, việc xử lý thông tin và điều phối hoạt động một cách hiệu quả của EEAS sẽ giúp các thành viên tận dụng được nguồn lực tập thể, tránh triển khai các nhiệm vụ chồng chéo với cùng một mục tiêu trong khu vực.

*(iii) Thông điệp rõ ràng đến người dân về quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích mà tổ chức đa phương đem lại cho quốc gia thành viên.* Trong một xã hội dân chủ và bùng nổ thông tin, con người chịu tác động và bị chi phối bởi thông tin. Người dân có thể tiếp cận nhiều nguồn thông tin, sự lan toả thông tin cũng nhanh chóng hơn bao giờ

hết. Trong kỷ nguyên số, việc truyền đạt thông điệp một cách chính xác và hiệu quả đến người dân có vai trò quan trọng trong định hướng và thực thi chính sách. Xã hội luôn vận động, các hệ tư tưởng cũng theo đó biến đổi không ngừng. Nắm bắt được diễn biến trong tư tưởng xã hội sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra những chính sách phù hợp và có tính khả thi cao. Với trường hợp EU, giúp người dân xác định và đánh giá đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Liên minh và những lợi ích Liên minh đem lại ở cấp độ quốc gia sẽ là một trong những cơ sở vững chắc để một tổ chức siêu quốc gia tồn tại và phát huy tốt vai trò của mình. Sự thất bại của Hiến pháp chung châu Âu năm 2005 hay sự kiện Brexit năm 2016 là ví dụ điển hình của việc coi nhẹ vai trò của truyền thông và dư luận xã hội.

Ở góc độ là một tổ chức liên kết khu vực, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có thể học hỏi kinh nghiệm EU trong trường hợp này. Tuy được vận hành theo các phương thức khác nhau nhưng đều hướng tới một mục đích chung là lợi ích của người dân, ASEAN cần khai thác được sức mạnh dư luận để thúc đẩy quá trình hội nhập của mình. Thu hẹp khoảng cách giữa “mục tiêu” của tổ chức với kỳ vọng của người dân sẽ tạo ra những chính sách có tính khả thi cao, tăng niềm tin của dân chúng vào những quyết sách của chính phủ, từ đó là cơ sở thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực ở mức cao hơn. Trong bối cảnh Cộng đồng Chính trị An ninh ASEAN (APSC) đang tiến hành triển khai Kế hoạch hành động đến năm 2025, truyền thông đại chúng có vai trò quan trọng. Do yếu tố lịch sử, việc hình thành một cơ chế khu vực ứng phó với các vấn đề liên quan đến chính trị, an ninh trong khối các quốc gia Đông Nam Á có tính chất tương đối nhạy cảm, có thể gây ra tâm lý nghi ngại vi phạm nguyên tắc “không can thiệp công việc nội bộ của nhau” mà ASEAN coi là kim chỉ nam cho hoạt động

của mình. Việc hình thành một trụ cột về chính trị, an ninh trong tổ chức khu vực liên kết các quốc gia Đông Nam Á thể hiện quyết tâm chính trị cao của giới lãnh đạo các nước. Nhưng để chính sách đi vào thực chất, ASEAN cần sự ủng hộ của người dân thông qua chính phủ các nước để triển khai ở cấp độ khu vực. Những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ tiến trình hội nhập ở khu vực châu Âu có thể tham khảo cho trường hợp của ASEAN. Tuy xuất phát điểm và phương thức hội nhập của hai tổ chức là khác nhau, dẫn tới mô hình liên kết khu vực có nhiều đặc điểm khác biệt, nhưng bản chất của hội nhập khu vực vẫn là quá trình vận động của nền chính trị quốc tế, có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức nhưng về nội hàm là giống nhau.



## KẾT LUẬN

Với mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, luận án đi đến các kết luận sau: (i) Hội nhập về đối ngoại và an ninh là cấp độ hội nhập cao nhất của tiến trình hội nhập khu vực, trong trường hợp EU, biểu hiện cụ thể nhất là thực tiễn triển khai CFSP/CSDP. Chính sách này phản ánh các lợi ích, giá trị và mục tiêu chung của các quốc gia thành viên. Vì vậy, các chuẩn mực đánh giá, phân tích chính sách đối ngoại, chính sách an ninh, quốc phòng của quốc gia chỉ mang tính chất tham khảo trong trường hợp nghiên cứu CFSP/CSDP. (ii) Để hiện thực hoá CFSP/CSDP và các mục tiêu của chính sách, điều kiện cần là nhu cầu cấp thiết về hợp tác và nỗ lực điều chỉnh chính sách từ bên trong, điều kiện đủ là động lực từ bên ngoài xuất phát từ bối cảnh khu vực và thế giới với các sự kiện mang tính bước ngoặt. (iii) Năm nhân tố tác động đến quá trình triển khai CFSP/CSDP và tiến trình hội nhập khu vực về đối ngoại, an ninh, quốc phòng là: cam kết của lãnh đạo các quốc gia thành viên; vấn đề chủ quyền và quyền lực của các thể chế; sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy, dân tộc cực đoan; quá trình mở rộng Liên minh và năng lực của các quốc gia thành viên; tính toán chiến lược của Mỹ, Nga và quan hệ EU – NATO. (iv) Chủ nghĩa dân túy, dân tộc cực đoan tạo lực cản đối với quá trình hội nhập chung nhưng có tác động tích cực đến tiến trình hội nhập về đối ngoại và an ninh, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh quốc phòng. Đồng thời, sự gia tăng sức mạnh Nga và chính sách giảm can dự của Mỹ ở châu Âu là động lực để CFSP/CSDP được triển khai hiệu quả, hướng tới thành lập liên minh an ninh quốc phòng. (v) Tiến trình hội nhập châu Âu bị kìm hãm, thậm chí có khả năng bị phá vỡ dưới tác động tiêu cực của chủ nghĩa dân túy, dân tộc cực đoan. CFSP/CSDP theo đó có thể không thể tiếp tục triển khai. Tuy nhiên, với xu thế vận động của thế giới và khu vực,

quá trình hợp tác về an ninh, quốc phòng ở châu Âu sẽ tiếp diễn. Hành động phòng vệ tập thể vẫn là lựa chọn tối ưu trong đảm bảo an ninh quốc gia và khu vực. (vi) Quá trình hội nhập về đối ngoại và an ninh có tác động hai chiều đối với tiến trình hội nhập chung: thúc đẩy tiến trình hội nhập chung khi đạt được bước tiến về hợp tác nội khối trong lĩnh vực này, đặc biệt với lĩnh vực an ninh quốc phòng; ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình hội nhập khu vực trong các lĩnh vực khác do là lĩnh vực nhạy cảm, dễ gây căng thẳng, chia rẽ nội bộ, tạo tâm lý hoài nghi tính hiệu quả của các hành động tập thể.

Việc tiếp tục nghiên cứu tiến trình hội nhập về đối ngoại và an ninh châu Âu có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá sự thành công hay thất bại của mô hình liên kết khu vực EU. Giả định Liên minh quốc phòng châu Âu được thành lập, vị thế và tầm ảnh hưởng của EU sẽ đạt được bước tiến vượt bậc, sức mạnh tổng thể được củng cố và tăng cường cùng với quan hệ đồng minh truyền thống với NATO sẽ giúp EU có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong các vấn đề liên quan đến an ninh khu vực và toàn cầu trên trường quốc tế. Ở khu vực, một khi sức mạnh quốc phòng mang “bản sắc châu Âu” được khẳng định, hoàn toàn có khả năng các thể chế khu vực được nâng cấp vai trò và tăng cường quyền lực, việc hình thành một tổ chức theo mô hình liên bang là có cơ sở. Để chứng minh cho giả định này, hướng nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào tác động của diễn biến tư tưởng xã hội về lợi ích dân tộc, bản sắc quốc gia và nhận thức về tầm quan trọng của các giá trị chung đặt trong tổng thể lợi ích quốc gia, chủ nghĩa đa phương và các xu hướng phát triển..../.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. “Hội nhập châu Âu về an ninh quốc phòng: Thách thức và triển vọng đến 2025”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, Viện Nghiên cứu châu Âu, số tháng 4/2018.
2. “Tiến trình hội nhập châu Âu tiếp cận dưới góc độ lý thuyết”, *Tạp chí Sự kiện và Nhân vật nước ngoài*, Tổng cục 5, Bộ Công an, số tháng 4/2018.
3. “Triển vọng quan hệ Mỹ - EU đến năm 2025 xét về mặt chính sách đối ngoại”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, Viện Nghiên cứu châu Mỹ, số tháng 4/2018.